

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co theo hướng giảm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,698.90 điểm, giảm hơn 20 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. VN-Index hiện đang trở về kiểm tra ngưỡng SMA20, nếu tiếp tục để mất ngưỡng này, chỉ số sẽ trở về 1,680, tương đương SMA50.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-20.08** điểm, đóng cửa tại **1698.9** điểm. HNX-Index **-0.61** điểm, đóng cửa tại **255.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.26)**, **BMP (+0.24)**, **LPB (+0.22)**, **KBC (+0.18)**, **FPT (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.62)**, **VHM (-2.37)**, **VPL (-2.01)**, **VPB (-1.61)**, **VCB (-1.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,897** tỷ đồng, giảm **-8.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,482 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 25.12 điểm. Thị trường có **104** mã tăng, 75 mã tham chiếu, **192** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-493.48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-192.19 tỷ)**, **STB (-158.46 tỷ)**, **VHM (-104.91 tỷ)**, **GMD (-102.18 tỷ)**, **VPX (-71.38 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.15** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.65%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+2.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+1.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
FPT (+0.42%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
BAF (+1.88%)
SAB (+1.55%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.65%	-0.15%	-1.17%	-1.17%
1 tuần	-3.26%	-3.42%	-2.21%	-2.79%
1 tháng	0.99%	0.24%	6.61%	5.64%
3 tháng	-6.03%	-8.45%	1.90%	3.15%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,698.90	255.87	119.99
% 1D	-1.17%	-0.24%	0.74%
GTKL (tỷ VND)	13,897	818	383
%1D	-8.65%	13.95%	-6.76%
GDNN (tỷ VND)	-493.48	-17.15	-26.90

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	240.26	VIC	-192.19
MBB	71.32	STB	-158.46
VIX	51.58	VHM	-104.91
VPL	49.70	GMD	-102.18
HPG	33.80	VPX	-71.38

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

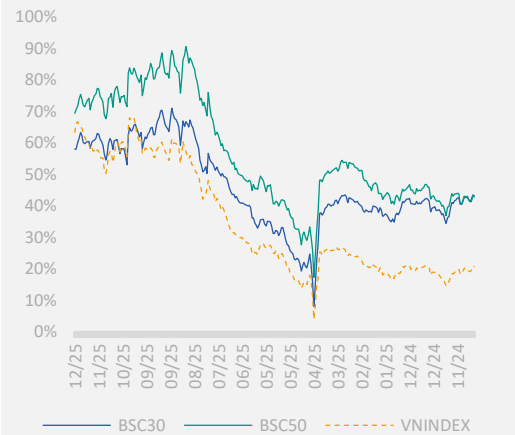
		%D	%W
SPX	6,887	0.67%	0.54%
FTSE100	9,658	0.03%	-0.54%
Eurostoxx	5,720	0.30%	0.07%
Shanghai	3,873	-0.70%	-0.06%
Nikkei	50,149	-0.90%	-1.74%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.41	-1.28%
Giá vàng	4,216	-1.14%
Tỷ giá		
USD/VND	26,411	0.00%
EUR/VND	31,633	0.59%
JPY/VND	173	0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.03%
LS LNH 1M	7.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

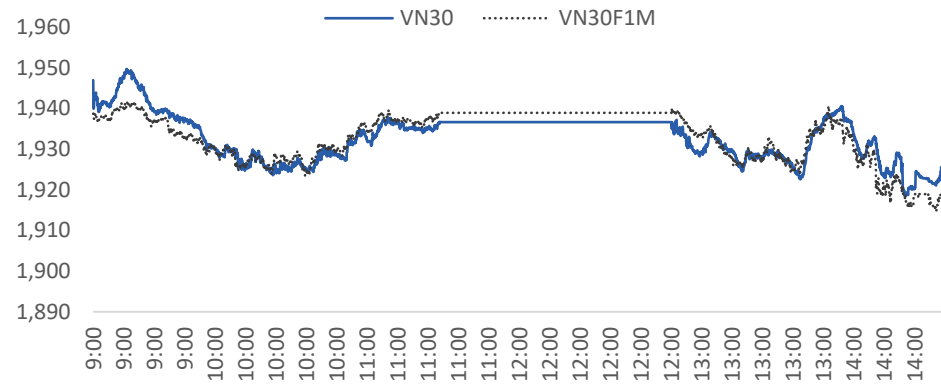
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1916.00	-0.83%	1,334	7.4%	15/01/2026	35
41I1G6000	1911.10	-0.98%	32	-46.7%	18/06/2026	189
VN30F2512	1919.10	-0.82%	334,749	23.4%	18/12/2025	7
41I1G3000	1916.00	-0.67%	89	-19.82%	19/03/2026	98

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -22.69 điểm, đóng cửa tại 1924.29 điểm. Biên độ dao động 27.13 điểm. Các cổ phiếu như VJC, VPB, VIC, VNM, VHM tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giao dịch dưới trong sắc đỏ phần lớn thời gian của phiên. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2521	25/05/2026	165	23,300	116.19%	115.68	2,160	40.3%	0.00	132.96	61.50	61.50
CVRE2519	3/06/2026	174	1,400	27.45%	30.00	1,900	35.7%	0.78	37.60	29.50	29.50
CFPT2522	25/12/2025	14	1,800	22.98%	115.59	100	25.0%	0.00	118.06	96.00	96.00
CACB2502	26/03/2026	105	18,600	10.04%	23.40	1,770	21.2%	1.11	26.36	23.95	23.95
CFPT2510	23/02/2026	74	100	45.38%	131.45	380	15.2%	0.00	139.56	96.00	96.00
CTCB2514	24/02/2026	75	29,300	21.83%	38.97	590	9.3%	0.17	40.69	33.40	33.40
CVHM2516	23/06/2026	194	13,000	14.86%	79.00	9,280	9.2%	6.38	116.12	101.10	101.10
CHPG2533	24/02/2026	75	21,900	18.83%	29.00	850	7.6%	0.28	31.55	26.55	26.55
CSHB2510	4/05/2026	144	600	10.65%	13.67	2,500	3.7%	1.91	18.09	16.35	16.35
CLPB2509	25/06/2026	196	289,200	37.74%	56.33	620	3.3%	0.24	61.29	44.50	44.50
CHPG2505	26/03/2026	105	19,000	8.08%	24.98	2,230	3.2%	1.78	28.70	26.55	26.55
CMWG2521	25/03/2026	104	2,200	16.95%	91.00	1,050	2.9%	0.66	96.25	82.30	82.30
CTCB2510	23/12/2025	12	4,600	2.84%	30.20	1,420	2.9%	1.12	34.35	33.40	33.40
CVHM2522	25/06/2026	196	117,200	30.81%	117.69	1,820	2.8%	0.64	132.25	101.10	101.10
CFPT2519	23/02/2026	74	272,800	29.31%	121.39	400	2.6%	0.03	124.14	96.00	96.00
CVHM2511	13/04/2026	123	800	3.34%	58.00	11,620	2.6%	11.01	104.48	101.10	101.10
CFPT2525	25/03/2026	104	22,600	14.54%	101.94	810	2.5%	0.39	109.96	96.00	96.00
CVHM2519	25/05/2026	165	1,800	23.71%	108.20	2,410	2.1%	1.02	125.07	101.10	101.10
CFPT2528	8/09/2026	271	236,700	18.45%	91.15	2,850	1.8%	1.69	113.72	96.00	96.00
CVNM2503	26/03/2026	105	167,700	11.35%	63.21	1,150	1.8%	0.57	68.48	61.50	61.50

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 11/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2521 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 40.26%. CMWG2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.43%.
- CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVHM2524, CSTB2533 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	96.00	0.42%	0.95
LPB	44.50	0.68%	0.62
SAB	52.30	1.55%	0.19

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	188.00	-4.37%	-3.58
VPB	28.15	-2.93%	-2.82
VIC	146.00	-1.88%	-2.72
VNM	61.50	-2.54%	-2.14
VHM	101.10	-2.32%	-2.13

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SAB	52.30	1.55%	0.26	1.28
BMP	169.70	7.00%	0.24	0.08
LPB	44.50	0.68%	0.22	2.99
KBC	33.95	2.26%	0.18	0.94
FPT	96.00	0.42%	0.17	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	112.90	2.17%	0.29	0.20
NTP	65.70	3.30%	0.22	0.17
THD	30.00	0.67%	0.05	0.38
VC3	27.20	1.87%	0.04	0.14
SEB	48.00	3.90%	0.04	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BMP	169.70	7.00%	0.22	0.52
HVX	3.22	6.98%	0.00	0.24
QCG	16.45	6.82%	0.07	2.01
SHI	15.80	6.76%	0.04	0.91
TNC	32.60	6.71%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	35.80	9.82%	0.23	0.01
KDM	24.90	9.69%	0.07	0.10
DAE	13.70	9.60%	0.01	0.00
EBS	12.50	7.76%	0.04	0.00
TET	39.00	7.44%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	146.00	-1.88%	-2.62	3.88
VHM	101.10	-2.32%	-2.37	4.11
VPL	91.00	-5.01%	-2.01	1.79
VPB	28.15	-2.93%	-1.61	7.93
VCB	57.60	-1.03%	-1.22	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	73.00	-1.35%	-0.52	0.90
HUT	16.00	-1.23%	-0.12	1.07
HHC	117.00	-9.86%	-0.11	0.02
SHS	21.20	-0.47%	-0.05	0.90
SCG	65.00	-1.07%	-0.03	0.09

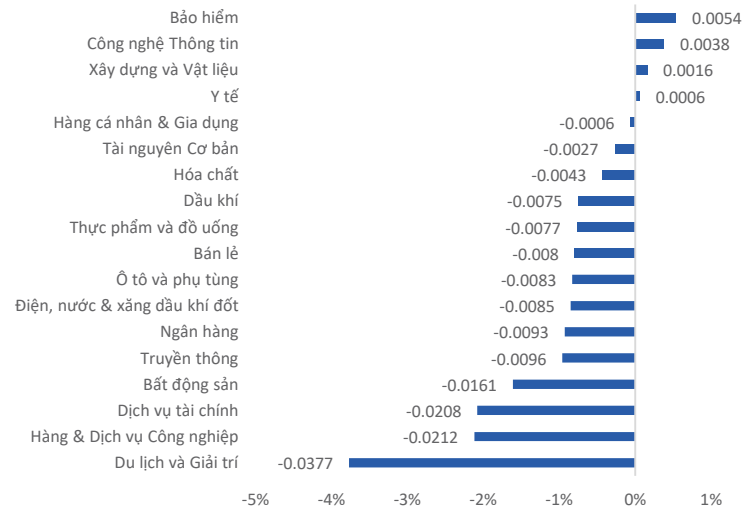
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PET	32.60	-6.99%	-0.06	4.21
VTB	21.30	-6.99%	0.00	0.01
HID	9.09	-6.96%	-0.01	0.26
HII	7.44	-6.88%	-0.01	1.81
VPH	4.60	-6.69%	-0.01	0.05

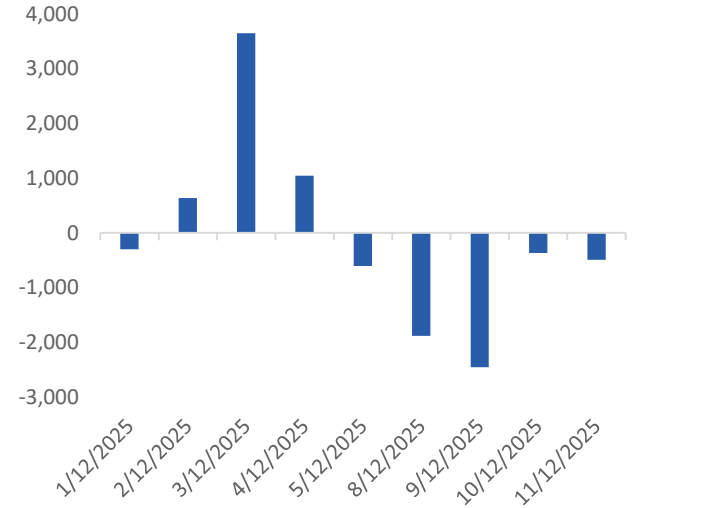
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	26.30	-9.93%	-0.09	0.00
VTC	21.90	-9.88%	-0.04	0.00
HHC	117.00	-9.86%	-0.74	0.00
VNT	29.60	-9.20%	-0.18	0.00
PTD	7.90	-8.14%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.3	-0.8%	1.3	122,712	292.9	3,955	21.0	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	34.0	2.3%	1.5	31,266	63.0	1,872	17.7	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	32.5	0.0%	1.3	36,472	133.0	857	37.9	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	21.2	-1.2%	1.9	20,968	156.8	211	101.4	28,200	8.7%	Link
VHM	Bất động sản	101.1	-2.3%	0.9	425,117	824.9	6,133	16.9	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.0	0.4%	0.7	162,855	562.0	5,280	18.1	118,700	39.0%	Link
BSR	Dầu khí	14.3	-1.0%	0.0	72,105	40.8	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.3	-0.3%	1.5	16,059	58.8	2,841	11.1	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	-0.4%	1.4	24,893	164.8	1,376	16.8		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.1	-0.7%	1.4	72,865	346.7	1,879	15.6		32.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.2	-0.3%	1.3	24,785	175.1	1,589	21.6		14.8%	
DCM	Hóa chất	33.3	-0.2%	1.3	17,655	14.1	3,578	9.3	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	94.6	-0.4%	1.1	36,079	78.4	8,296	11.5	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.6%	0.9	123,793	181.3	3,385	7.1	28,400	28.8%	Link
BID	Ngân hàng	37.6	-0.3%	0.9	264,705	42.9	3,781	10.0	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	50.1	-0.8%	1.2	271,185	233.0	6,208	8.1	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	31.8	-1.2%	1.2	124,080	224.1	3,647	8.8	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	-1.2%	1.2	202,583	430.6	3,017	8.3	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.8	0.0%	1.0	39,936	577.1	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	47.7	-1.9%	1.0	91,621	296.9	6,519	7.5		14.7%	
TCB	Ngân hàng	33.4	-0.9%	1.2	238,806	388.0	3,112	10.8	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.8	-0.6%	1.3	46,881	111.1	2,358	7.2	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	57.6	-1.0%	0.9	486,300	108.4	4,202	13.9	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	-0.6%	0.9	61,953	91.9	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.2	-2.9%	1.3	230,084	527.6	2,603	11.1	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	-0.4%	1.3	204,551	465.5	1,876	14.2	33,170	19.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	-0.3%	1.5	10,215	28.5	1,178	14.0	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.3	1.9%	1.2	10,314	72.5	4,150	6.5	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.1	-1.2%	1.3	111,335	271.6	2,196	35.1	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	-2.5%	0.6	131,876	306.1	4,160	15.2	64,500	50.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.3	-0.96%	1.4	9,212	22.5	2,411	17.3	23.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	150.0	0.27%	0.7	25,477	91.5	3,620	41.3	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.6	0.55%	1.0	40,308	27.4	3,578	15.2	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.4	0.00%	1.6	15,451	102.6	507	38.2	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.0	-0.28%	1.6	20,079	102.6	401	45.1	19.4%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	25.0	0.00%	1.7	4,994	27.4	3,057	8.2	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.2	-0.66%	1.6	11,247	30.5	938	32.4	20.7%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.0	-0.27%	1.5	14,079	29.8	4,849	7.7	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	34.8	-0.14%	1.5	16,909	16.9	2,140	16.3	45.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	54.0	1.12%	1.1	12,929	9.0	5,474	9.8	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.2	-0.33%	1.2	5,454	4.8	1,763	17.2	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.0	-0.25%	1.7	18,242	39.1	801	25.0	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	146.0	-1.88%	0.9	1,146,657	1382.4	1,147	129.7	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	29.5	-1.67%	1.2	68,170	252.4	2,144	14.0	13.5%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.7	0.27%	1.2	7,739	11.3	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.4	-0.58%	0.9	43,962	31.0	2,090	16.6	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.7	0.20%	1.1	13,702	86.9	1,602	15.4	8.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.0	-1.20%	1.3	11,556	20.0	1,262	26.4	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.9	0.00%	1.7	18,378	30.2	1,671	16.7	4.6%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.6	-1.42%	0.9	153,222	29.9	5,014	12.7	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.1	-1.63%	1.2	37,735	45.3	683	18.0	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.7	-0.95%	0.6	34,287	6.3	4,776	13.3	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	188.0	-4.37%	0.8	116,311	433.5	2,897	67.9	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.9	0.96%	1.9	37,450	398.5	2,313	17.9	7.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.0	0.00%	1.2	24,737	249.8	3,499	16.6	42.6%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.6	-1.18%	1.0	10,013	65.7	6,185	9.6	6.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	-0.28%	1.1	8,482	26.6	2,090	8.6	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.0	0.31%	0.0	11,776	22.0	3,139	30.8	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.0	-0.11%	1.1	30,055	15.9	6,916	12.7	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	-0.18%	1.0	3,047	30.1	2,535	10.7	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	0.00%	1.5	2,382	7.3	2,867	6.5	16.8%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.6	-0.22%	1.2	15,400	24.8	1,212	18.7	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.7	-0.37%	1.4	107,000	27.6	1,569	17.1	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.3	-0.89%	1.2	41,818	94.0	1,635	13.7	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.5	0.68%	0.4	132,038	57.3	3,469	12.7	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.70%	0.0	24,534	29.8	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	-0.41%	0.8	32,622	13.7	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	0.00%	1.4	6,982	31.8	571	27.3	4.8%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	-1.07%	1.3	7,442	20.0	2,829	9.9	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.3	1.88%	0.5	10,519	96.1	1,715	20.2	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	52.3	1.55%	0.5	66,052	88.4	3,373	15.3	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.6	0.00%	1.0	12,480	18.4	6,944	8.0	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.7	7.00%	0.3	12,983	87.1	14,639	10.8	84.9%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.0	0.00%	1.2	8,520	23.5	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.4	0.48%	1.1	9,608	22.9	5,128	16.4	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.6	-0.81%	1.5	4,329	14.5	3,037	14.1	5.7%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.4	0.00%	1.4	7,163	43.1	1,106	13.0	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.5	-0.92%	1.0	8,925	40.0	1,377	15.8	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.4	0.41%	1.1	15,677	66.5	6,148	3.9	4.6%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.2	-0.82%	1.5	19,077	17.3	3,090	13.8	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>